

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TÓM TẮT

Chuyển đổi số quốc gia

*(Phục vụ Phiên họp lần thứ 5 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số
Hội nghị trực tuyến toàn quốc về chuyển đổi số năm 2023)*

Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu tất yếu khách quan đối với mỗi quốc gia và trong mọi lĩnh vực. Đảng và Nhà nước đã và đang đặc biệt quan tâm đến chuyển đổi số, thể hiện bằng các chủ trương, đường lối tại nhiều văn bản mang tính chiến lược như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).

Thực hiện các chủ trương, đường lối, chiến lược, chương trình nêu trên, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai chuyển đổi số để phát triển Kinh tế-Xã hội. Năm 2020 được xác định là năm khởi động chuyển đổi số quốc gia, là năm tuyên ngôn về chuyển đổi số; năm 2021 là năm tổng diễn tập chuyển đổi số khi công nghệ số được ứng dụng để phát triển các nền tảng phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; năm 2022 là năm tăng tốc thực hiện chuyển đổi số với nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh việc đưa người dân lên các nền tảng số “Make in Việt Nam”, đẩy mạnh triển khai Đề án 06.

Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số bền vững, thực chất, đồng bộ thì dữ liệu số là yếu tố quyết định. Do vậy, chủ đề của năm 2023-Năm quốc gia về dữ liệu số là “**Tạo lập và khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị mới**”, từ đó đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong phát triển đất nước.

Năm 2023 còn là năm bản lề của giai đoạn 2021-2025. Có một năm 2023 thành công với việc hoàn thành các mục tiêu quan trọng đã đặt ra đến năm 2025 sẽ tạo lập nền tảng mang tính quyết định đến việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược không chỉ giai đoạn 2021-2025 mà còn cho cả giai đoạn đến năm 2030.

I. KẾT QUẢ CHÍNH ĐẠT ĐƯỢC ĐẾN NĂM 2022

Nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương thời gian qua được đền đáp bằng nhiều kết quả bước đầu đáng ghi nhận, giúp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công theo hướng “*lấy người sử dụng làm trung tâm*”, nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp “*dựa trên dữ liệu số*”, nâng cao năng suất lao động của đội ngũ công chức, viên chức người lao động của cơ quan nhà nước “*dựa trên nền tảng số, dữ liệu số*”, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Các kết quả trên được thể hiện qua một số chỉ tiêu quan trọng như sau:

a) Các chỉ tiêu tổng hợp:

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2022	Mục tiêu năm 2022
I	Các chỉ tiêu đã hoàn thành			
1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Bộ Tài chính	100%	100%
2	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Bộ Công Thương	7,5% ¹	7%
3	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	66% ²	65%
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Bộ Thông tin và Truyền thông	80%	80%
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến ³	Bộ Thông tin và Truyền thông	54,34%	50%

¹ Số liệu theo dự báo của Bộ Công Thương.

² Số liệu Quý II năm 2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

³ Năm 2022 chưa đo được “xử lý” do có sự thay đổi theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2022	Mục tiêu năm 2022
6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Bộ Công Thương	50% ⁴	50%
7	Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	75%	75%
8	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Bộ Thông tin và Truyền thông	30,07%	30%
9	Tỷ lệ dân số ⁵ có điện thoại thông minh	Bộ Thông tin và Truyền thông	85%	85%
II	Các chỉ tiêu chưa hoàn thành			
10	Tỷ lệ báo cáo của cơ quan nhà nước được thực hiện trực tuyến	Văn phòng Chính phủ	40,47%	50%
11	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở	Bộ Thông tin và Truyền thông	11,8% ⁶	50%

b) Kết quả triển khai Đề án 06:

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả
I	Các nhiệm vụ đã hoàn thành		
1	Hành lang pháp lý	Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông	04 Nghị định, 05 Thông tư
2	Dịch vụ công thiết yếu thực hiện trên môi trường điện tử	Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Giáo	21/25 dịch vụ công thiết yếu

⁴ Theo Sách Thương mại điện tử Việt Nam năm 2022 do Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương công bố, năm 2021 đạt 42%. Đến hết năm 2022 ước đạt 50%.

⁵ Dân số trưởng thành.

⁶ Về công bố danh mục dữ liệu mở: Ngân hàng nhà nước; Bộ Tài Chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ninh Bình. Về cung cấp dữ liệu mở: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Thừa Thiên - Huế, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Định, Long An, Bắc Giang, Lạng Sơn.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả
		dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam	
3	Kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ	58/63 địa phương kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
4	Tài khoản định danh điện tử	Bộ Công an	Tính đến ngày 17/02/2023, thu nhận 21.830.518 hồ sơ cấp định danh điện tử, trong đó phê duyệt 20.081.536 hồ sơ (<i>Đạt 92% so với tổng số hồ sơ được thu nhận</i>); đã có 128.855 lượt khai báo Thông tin lưu trú từ 29.110 công dân; có 803 tin phản ánh về an ninh trật tự từ 501 công dân qua VneID.
5	Cấp, sử dụng thẻ CCCD gắn chip	Bộ Công an	Đã cấp 78.553.494 thẻ CCCD gắn chip điện tử cho công dân; đã có 12.269/13.047 cơ sở khám chữa bệnh triển khai bằng CCCD gắn chip tích hợp Bảo hiểm y tế (<i>đạt 94,03%, tăng 245 cơ sở so với tháng 12/2022</i>) với 17.518.220 công dân sử dụng CCCD đi khám, chữa bệnh trên toàn quốc (<i>tăng 8.442.413 công dân so với tháng 12/2022</i>)
6	Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư	Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông	13/30 bộ, ngành; 04 Tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã kết nối, khai thác chính thức

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả
II Các nhiệm vụ chưa hoàn thành			
7	Nghị định của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân	Bộ Công an	Đã báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội
8	02 dịch vụ công liên thông (<i>đăng ký thường trú; đăng ký tạm trú</i>) đưa lên toàn trình (<i>mức độ 4</i>)	Bộ Công an	Chưa toàn trình
9	02 dịch vụ công liên thông (<i>đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú – trợ cấp mai táng phí</i>)	Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hoàn thành thử nghiệm, chưa triển khai trên quy mô toàn quốc
10	08 nhiệm vụ về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học Công nghệ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mới khảo sát nhu cầu, chưa triển khai

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Tuy nhiên, việc chuyển đổi số tại Việt Nam còn chậm, chưa đáp ứng được kỳ vọng của xã hội, còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục cụ thể:

Một là, vấn đề phát triển dữ liệu:

- Một số cơ sở dữ liệu quốc gia cốt yếu chưa được hoàn thành; một số cơ sở dữ liệu quốc gia đã được hình thành nhưng chưa được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả; các cơ sở dữ liệu đã xây dựng còn rời rạc, cát cứ, chưa được quy hoạch, tổ chức, dùng chung thống nhất trong cơ quan nhà nước.

- Nhận thức về dữ liệu và năng lực tổ chức, khai thác dữ liệu còn hạn chế; lúng túng trong việc xác định mô hình tổ chức các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia;

thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương; điều kiện hạ tầng chưa đảm bảo để thu thập, kết nối, khai thác dữ liệu ổn định, thống nhất và đồng bộ.

- Chuyển đổi số là chuyển đổi các hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động phát triển kinh tế, xã hội dựa trên khai thác tiềm năng của dữ liệu, dữ liệu lớn. Tuy nhiên, tiềm năng của dữ liệu lớn hiện nay chưa được quan tâm xây dựng và khai thác sử dụng, chưa tận dụng được lợi thế trong việc phát triển các công nghệ mới dựa trên dữ liệu.

Hai là, khó khăn trong triển khai các nền tảng số:

- Việc triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây nên nhiều bộ, ngành, địa phương còn lúng túng trong triển khai.

- Việc triển khai các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành ở trung ương chủ trì còn chậm trong khi còn thiếu những quy định, hướng dẫn về kiến trúc, mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của các nền tảng số quốc gia, nên việc triển khai sử dụng nền tảng tại các địa phương chưa đạt được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

Ba là, nhân lực cho chuyển đổi số:

- Đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) của các bộ, ngành, địa phương vừa thiếu về số lượng và kiến thức, kỹ năng tham mưu tổ chức triển khai chuyển đổi số.

- Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, đạo tạo lại, bồi dưỡng về chuyển đổi số còn rất thấp. Việc phổ cập kỹ năng số cho lực lượng lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau và cho người dân còn chậm.

- Số lượng, chất lượng kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia còn chậm triển khai (chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số).

Bốn là, thiếu sự chủ động, chậm trễ trong lập kế hoạch và tổ chức triển khai nhiệm vụ: Hiện mới có 06/30 bộ, ngành và 29/63 địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023.

Năm là, tình trạng thiếu đồng bộ trung ương đến địa phương, giữa các địa phương trong triển khai Đề án 06:

- Còn tồn đọng nhiều nhiệm vụ theo kế hoạch đặt ra năm 2022; đặc biệt là việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, do các cơ sở dữ liệu này chưa sẵn sàng để kết nối, đưa vào khai thác chính thức.

- Một số dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự tiện lợi dẫn đến tỷ lệ người dân tham gia còn thấp; đặc biệt là các dịch vụ công liên thông chưa hoàn thành, chưa đưa vào sử dụng trên toàn quốc, chưa đáp ứng được kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp.

- Về việc thực hiện quy định không sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy: nhiều công chức, viên chức, người dân doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của việc này; nhiều địa phương chưa hướng dẫn cắt bỏ thành phần bản sao, công chức, viên chức vẫn yêu cầu nộp bản giấy trong thực hiện thủ tục hành chính, có tâm lý bị động, chờ hướng dẫn từ các bộ, ngành. Vấn đề này nếu không sớm được giải quyết triệt để sẽ gây mất niềm tin của người dân, tạo ra dư luận xã hội không tốt.

- Việc khắc phục những tồn tại về công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu còn chậm, dẫn đến chưa thể kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

III. CÁC MỤC TIÊU QUAN TRỌNG

Để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số tại Việt Nam, hướng đến đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn trong giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân; quản lý, quản trị xã hội; phát triển kinh tế - xã hội, các bộ, ngành, địa phương cần tập trung, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2023
I	Dữ liệu số		
1	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục	Bộ, ngành, địa phương	100%
2	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, kế hoạch công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc	Bộ, ngành, địa phương	100%

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2023
	phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch		
3	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (NDXP/LGSP)	Bộ, ngành, địa phương	100%
4	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Bộ, ngành, địa phương	Trên 50%
5	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	Bộ, ngành, địa phương	Trên 80%
6	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch hành động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước	100%
7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục đại học, sau đại học bổ sung các môn học về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề vào chương trình đào tạo; lựa chọn một số cơ sở đào tạo trọng điểm về công nghệ thông tin để bổ sung các chuyên ngành đào tạo về phân tích dữ liệu, khoa học dữ liệu với chương trình, nội dung đào tạo tiên tiến, hệ thống trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu	Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%
8	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, thương mại điện tử, cung cấp dịch vụ số phổ biến trên mạng có thu thập dữ liệu cá nhân được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	100%
II	Chính phủ số		
9	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Bộ, ngành, địa phương	100%

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2023
10	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất công dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử	Bộ, ngành, địa phương	100%
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Bộ, ngành, địa phương	100%
12	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	Bộ, ngành, địa phương	100%
13	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Bộ, ngành, địa phương	100%
	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến		Trên 60%
	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến		Trên 30%
14	Tỷ lệ cơ quan ban hành kế hoạch triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân	Bộ, ngành, địa phương	Trên 50%
15	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật	Bộ, ngành, địa phương	100%
16	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Bộ, ngành, địa phương	Trên 10%
17	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	Bộ, ngành, địa phương	Trên 50%
III Kinh tế số			
18	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 16%
19	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Bộ Công thương	Trên 8,5%
20	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý	Bộ, ngành, địa phương	100%
21	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch hành động thúc đẩy chuyển đổi	Bộ, ngành, địa phương	100%

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2023
	số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý		
22	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 90%
	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số		Trên 30%
IV	Xã hội số		
23	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 80%
24	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 85%
25	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	Bộ Công an	Trên 30%
26	Tỷ lệ dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số cá nhân	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 20%
27	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Trên 75%
28	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an	Trên 60%
V	An toàn, an ninh mạng		
29	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Bộ, ngành, địa phương	Trên 80%
30	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ	Bộ, ngành, địa phương	Trên 30%
31	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 20%
32	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trên 10%
VI	Đề án 06		
33	Trình ban hành Luật Căn cước công dân sửa đổi	Bộ Công an	Tháng 12/2023

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Mục tiêu năm 2023
34	Nhân rộng, triển khai trên toàn quốc với 02 dịch vụ công liên thông: Đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú – cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú – trợ cấp mai táng phí trên địa bàn toàn quốc	Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bảo xã hội Việt Nam	Tháng 3/2023
35	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Lộ trình theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 8/4/2022	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương	Tháng 6/2023
36	Chấm điểm tín dụng công dân trên nền tảng dữ liệu đa chiều	Bộ Công an, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Hoàn thành thử nghiệm Quý I/2023
37	Triển khai chính thức cung cấp miễn phí cho người dân và khi ký số miễn phí cho các thủ tục hành chính trên VNeID	Bộ Công an	Quý I/2023
38	Hiện thị thông tin sổ sức khỏe điện tử, thông tin người lao động (I-CV) trên VNeID	Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Quý I/2023
39	Kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông	100% các bộ ngành, địa phương

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Chủ đề của năm 2023 - Năm quốc gia về dữ liệu số là “**Tạo lập và khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị mới**”, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu: (1) Bảo vệ dữ liệu cá nhân; (2) Công bố và xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp bộ, ngành và địa phương; (3) Mở dữ liệu; và (4) An toàn dữ liệu. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp để tạo ra sự thay đổi căn bản trong tạo lập, khai thác dữ liệu số từ đó tạo ra giá trị mới, thúc đẩy chuyển đổi số tại Việt Nam.

Để có thể đạt được các mục tiêu quan trọng, có tính chất quyết định nêu trên, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, các bộ, ngành, địa phương cần triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm phân công cho các thành viên Ủy ban quốc gia trực tiếp chỉ đạo, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tập trung chỉ đạo

1.1. Nhiệm vụ trọng tâm phân công cho các thành viên Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số trực tiếp chỉ đạo

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất **mười ba (13)** nhóm nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số phân công cho các đồng chí Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ - Thành viên của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai bảo đảm hiệu quả, cụ thể:

a) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Phó Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số: Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban Quốc gia và kế hoạch năm quốc gia về dữ liệu số, phát triển hạ tầng số.

b) Bộ trưởng Bộ Công an: Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

c) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Phát triển Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, các nền tảng, hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Nâng cao tiềm lực nghiên cứu và phát triển quốc gia trong lĩnh vực dữ liệu lớn, phân tích, xử lý dữ liệu lớn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo từng lĩnh vực.

đ) Bộ trưởng Bộ Công Thương: Thúc đẩy chuyển đổi số về thương mại, công nghiệp và năng lượng; thúc đẩy thương mại điện tử, thương mại số, đặc biệt là

thúc đẩy phát triển các sản phẩm thương mại điện tử Việt Nam, thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân lên buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

e) Bộ trưởng Bộ Tài chính: Phát triển dữ liệu lớn về tài chính, cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính, nền tảng hóa đơn điện tử, nền tảng thuế điện tử; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để chống các hình thức chuyển giá, chuyển thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế các nền tảng số, dịch vụ số, dịch vụ trực tuyến nước ngoài, cung cấp xuyên biên giới.

g) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: đầu tư công, doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát và đánh giá đầu tư...; hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của Việt Nam, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên chuyển đổi số và các nền tảng dữ liệu số.

h) Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; cơ chế, chính sách đặc thù cho lực lượng cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn, an ninh mạng trong cơ quan nhà nước.

i) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.

k) Bộ trưởng Bộ Y tế: Phát triển dữ liệu lớn về sức khỏe toàn dân phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu y học, dược học và xây dựng phác đồ điều trị, mô hình bệnh tật và dự phòng bệnh.

l) Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Phát triển dữ liệu lớn về không gian đô thị trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS); thu thập và phát triển dữ liệu lớn về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị.

m) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phát triển dữ liệu lớn về nông nghiệp và phát triển nông thôn; phân tích, sử dụng dữ liệu để hỗ trợ người dân, hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp tiếp cận thị trường trong nước và thế giới; hỗ trợ sản xuất sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, đưa ra các cảnh báo về tình hình sâu bệnh, quản lý, giám sát gia súc, gia cầm, vật nuôi nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và rủi ro thị trường gây ra.

n) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Phát triển dữ liệu lớn về hoạt động ngân hàng thương mại để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, bảo đảm an ninh tiền tệ.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

1.2. Nhiệm vụ trọng tâm phân công cho các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tập trung chỉ đạo

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ điều phối, chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục III thuộc phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, lĩnh vực mình quản lý, phù hợp với đặc điểm và thực tiễn của bộ, ngành, lĩnh vực; trong Quý I/2023 ban hành kế hoạch chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo đổi số của bộ, ngành mình. Trong trường hợp đã ban hành kế hoạch năm 2023 trước đó, trong Quý I/2023 hoàn thành rà soát, cập nhật cho phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023.

Việc triển khai và thống nhất sử dụng các nền tảng số từ trung ương tới địa phương trong từng ngành, lĩnh vực là giải pháp quan trọng vừa thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, vừa phát triển dữ liệu số.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất **ba mươi hai (32)** nhóm nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ-Chủ tịch Ủy ban Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số phân công cho các Ban chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

2. Nhiệm vụ trọng tâm phân công Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương điều phối, chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục III thuộc phạm vi trách nhiệm của địa phương, phù hợp với đặc điểm và thực tiễn của địa phương; trong Quý I/2023 ban hành kế hoạch chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số của địa phương mình. Trong trường hợp đã ban hành kế hoạch năm 2023 trước đó, trong Quý I/2023 hoàn thành rà soát, cập nhật cho phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023.

Việc triển khai và thống nhất sử dụng các nền tảng số trong phạm vi địa phương là giải pháp quan trọng vừa thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, vừa phát triển dữ liệu số.

Một số nhiệm vụ trọng tâm do Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo dõi, đôn đốc như sau:

a) Tổ chức triển khai mô hình thành phố chuyển đổi số thành phố: Thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng.

b) Tổ chức triển khai Nền tảng bản đồ số dùng chung của tỉnh/thành phố: thành phố Hồ Chí Minh.

c) Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh: An Giang.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực tham mưu quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ tỉnh đến xã: tỉnh Bạc Liêu.

đ) Tổ chức triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, có cách làm để mang lại hiệu quả đột phá về tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến và tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ nhà: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Long An, Nam Định.

e) Tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Bắc Kạn, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Hà Giang, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Tuyên Quang.

g) Tổ chức triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc: Bến Tre, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hưng Yên, Phú Thọ, Quảng Nam, Sơn La, Thái Bình.

h) Tổ chức triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điển hình: Bình Định, Hà Tĩnh, Hà Nam, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Thừa Thiên - Huế, Yên Bái.

i) Tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân: Thành phố Cần Thơ.

k) Tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, TP. Hải Phòng, Quảng Ninh.

l) Tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai phân loại, xác định, phê duyệt và đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh: Điện Biên, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc.

m) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang, Nghệ An, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tiền Giang, Trà Vinh.

n) Triển khai hệ thống nguồn cấp tỉnh kết nối đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông, băng tin điện tử công cộng và các phương tiện truyền thanh cơ sở: Lai Châu.

o) Tổ chức triển khai nền tảng làm việc số cho phép người sử dụng đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp trực tuyến, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ tệp tin và các chức năng khác hỗ trợ công vụ: Nam Định, Ninh Bình.

p) Tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động: Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh.

q) Thúc đẩy triển khai phát triển trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ về dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo: Bình Định.

s) Tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động kho vận logistics để nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý hàng hóa: TP. Hải phòng

t) Triển khai chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực: Lào Cai (bệnh viện), Nam Định (trường học)

u) Triển khai Công nghệ thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhằm theo dõi, giám sát quá trình thực hiện từ khâu chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, tổ chức triển khai thực hiện dự án, cho đến việc tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp: Lào Cai.

v) Tổ chức triển khai thống nhất một ứng dụng dùng chung cho công dân: Vĩnh Long.

3. Nhóm nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai Đề án 06

3.1. Đối với dịch vụ công trực tuyến

a) Các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

b) Các bộ, ngành, địa phương xây dựng phương án cắt giảm bộ phận tiếp dân trực tiếp để đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại nhà.

3.2. Hoàn thiện hệ sinh thái, tạo lập dữ liệu dùng chung

Các bộ, ngành thực hiện tập trung dữ liệu tại các bộ, ngành, đối soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư để làm sạch và kết nối, chia sẻ, phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính theo chủ trương năm 2023 là năm quốc gia về dữ liệu số.

3.3. Làm sạch dữ liệu thông tin thuê bao

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các nhà mạng có kế hoạch, lộ trình cụ thể để làm sạch đối với những thông tin thuê bao không trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần phòng ngừa tội phạm, giải quyết tình trạng “SIM rác”.

3.4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

a) Bộ Công an tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế) đẩy mạnh xác thực thông tin công dân giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu đăng ký thuế; nghiên cứu triển khai giải pháp sử dụng định danh điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử, gắn định danh điện tử với mã số thuế để quản lý thống nhất.

b) Bộ Tài chính:

- Thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, trước mắt tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: hoạt động kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ giải trí, siêu thị...

- Hoàn thiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kết nối dữ liệu của các bộ, ngành phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ để thống nhất triển khai trong cả nước.

- Phối hợp với Bộ Công an để thẩm định phương án hợp tác, đề án sử dụng tài sản công khai thác ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử để cung cấp cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

c) Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Công an để nghiên cứu các giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư, CCCD, định danh điện tử trong du lịch để thuận lợi cho người dân và tăng cường thu thuế.

3.5. Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai chi trả qua tài khoản cho 100% các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội.

3.6. Về phát triển công dân số

Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng VNeID, phấn đấu đến tháng 6 năm 2023 cấp được 40 triệu tài khoản định danh điện tử cho người dân. Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng ứng dụng VNeID và đa dạng hóa các tiện ích, phấn đấu tích hợp 70% hồ sơ sức khỏe điện tử, hiện thị lên ít nhất 30 triệu tài khoản VNeID...

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Chuyển đổi số phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, làm mục tiêu, động lực nhằm cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp; người dân, doanh nghiệp thụ hưởng thành quả một cách **thực chất và hiệu quả**; hướng tới việc hình thành công dân số, xã hội số.

Năm 2023 là năm bản lề, đánh dấu nửa chặng đường thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Bộ Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm 2023:

- **Một là**, quán triệt quan điểm xuyên suốt: “Tổ chức triển khai chuyển đổi số quốc gia, tại từng bộ, ngành, lĩnh vực, cơ quan **phải đi vào thực chất**, mang lại giá trị thiết thực cho chính quyền, người dân, doanh nghiệp”. Chuyển đổi số nói chung, trong đó có Đề án 06, là nhiệm vụ trọng tâm, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương trên cơ sở huy động sự tham gia tích cực của **toàn dân, toàn bộ** hệ thống chính trị. Chuyển đổi số triển khai **toàn diện** nhưng phải có **trọng tâm, trọng điểm**; dễ làm trước, khó làm sau, từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, thực hiện một cách **bài bản, thực chất, hiệu quả, làm đâu chắc đó**; tránh tình trạng **trăm hoa đua nở, tránh hình thức**, chông chéo; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí, **làm đâu dứt đó**; dữ liệu phải "**đúng, đủ, sạch, sống**", "**độc ngang thông suốt**", an toàn, bảo mật.

- **Hai là**, khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương năm 2023 dựa trên nội dung Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, hoàn thành ngay trong tháng 02/2023.

- **Ba là**, khẩn trương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của bộ, ngành, địa phương theo hướng dẫn tại Văn bản số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, hoàn thành ngay trong tháng 02/2023.

- **Bốn là**, khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án 06 trong năm 2023, hoàn thành ngay trong tháng 02/2023.

- **Năm là**, triển khai hiệu quả kế hoạch hành động “Năm quốc gia về dữ liệu số” phù hợp với hoàn cảnh của từng bộ, ngành, địa phương./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG